

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 10/2018/DS-ST
Ngày : 09-03-2018
V/V tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Đình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duyệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Trong các ngày 06 đến ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 208/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về “tranh chấp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Dương Thị H.

Ông Nguyễn Văn C.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017 của bà Đặng Thị T là nguyên đơn trình bày: Vào khoảng năm 2012 bà có tham gia các dây hui 2.000.000 đồng/tháng, hui 1.000.000 đồng/tháng, hui do bà Dương Thị H làm chủ hui (bà không nhớ cụ thể) bà hót hui nhưng bà H không giao hui. Đến ngày 01/4/2013 hai bên thống nhất số tiền bà H, ông C còn nợ bà là 95.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà H trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng đến nay bà H cũng không trả mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn C trả cho bà số tiền vốn hui là 95.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/4/2013 đến ngày 01/4/2017 là 56 tháng, với mức lãi suất là 0,75%/tháng, thành tiền là 39.900.000 đồng. Tổng cộng là 134.900.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu bà H trả tiền lãi chậm trả là 39.900.000 đồng. Đối với giấy nợ ngày 01/4/2013 do bà H tính tiền hui và con gái bà H ghi bà không có ghi giấy nợ đó.

Bà Dương Thị H là bị đơn trình bày: Vào khoảng năm 2012 bà làm chủ hội, bà T có tham gia các dây hội (bà không nhớ cụ thể), ngày 01/4/2013 hai bên thống nhất bà và ông C còn nợ bà T 50.000.000 đồng tiền vốn hội, vay 20.000.000 đồng và cộng tiền lãi là 95.000.000 triệu đồng. Nay trước yêu cầu của bà T, bà thống nhất bà và ông C còn nợ bà T số tiền hội 95.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn bà xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa bà H trình bày: Vào năm 2011 bà Đặng Thị T tham gia ba dây hội do bà làm chủ hội, cụ thể gồm:

Dây hội thứ 01: Hội tháng, hội 1.000.000 đồng, gồm có 25 hội viên, bà T tham gia hai phần, bà T đóng hội sống mỗi phần là 15.635.000 đồng, tổng cộng là 31.270.000 đồng.

Dây hội thứ 02: Hội tháng, hội 500.000 đồng, gồm có 23 hội viên, bà T tham gia hai phần, bà T đóng hội sống mỗi phần là 4.870.000 đồng, tổng cộng là 9.740.000 đồng.

Dây hội thứ 03: Hội tháng, hội 2.000.000 đồng, gồm có 22 hội viên, bà T tham gia một phần, bà T đóng hội sống là 10.725.000 đồng.

Tổng cộng ba dây hội bà T đóng hội sống là 51.735.000 đồng.

Việc tham gia chơi hội chỉ có bà tự ghi sổ, bà T và các hội viên khác không có ký tên. Do các hội viên hốt hội không đóng hội chết lại cho bà nên cuối năm 2012 bà tuyên bố bẻ hội. Đối với số tiền nợ vay 20.000.000 đồng là không đúng, vì bà đã trả cho bà T xong rồi.

Đối với giấy nợ hội ngày 01/4/2013 bà và ông C thừa nhận có ký tên. Do bà T chỉ đóng hội sống cho bà chỉ có 51.735.000 đồng nên bà và ông C xin trả vốn hội cho bà T 51.735.000 đồng và trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hết, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đặng Thị T khởi kiện Bà Dương Thị H và Ông Nguyễn Văn C về việc “tranh chấp hội” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu bà H, ông C trả 95.000.000 đồng tiền vốn hội, thì bà H và ông C không đồng ý, bà H cho rằng vì bà T chỉ đóng hội sống cho bà H trong các dây hội tổng cộng chỉ có 51.735.000 đồng phần còn lại là tiền lãi, bà H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc bà T đóng hội chỉ có 51.735.000 đồng. Bởi theo sổ sách ghi chép hội thì chỉ có bà H ghi và theo dõi việc chơi hội với các hội viên và là mâu thuẫn với chính giấy nợ ngày 01/4/2013 do bà H, ông C ký tên nhận nợ với bà T là 95.000.000 đồng tiền hội nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà H và ông C. Do đó cần buộc bà H và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ vốn hội là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm

triệu đồng) theo quy định tại điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả là 39.900.000 đồng bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận, bà T không phải chịu án phí. Bà H và ông C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản tranh chấp của 95.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điều 288, 471, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc “tranh chấp hội” đối với bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới thanh toán cho bà Đặng Thị T số tiền vốn hội là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hội” phần tính lãi chậm trả là 39.900.000 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) của bà Đặng Thị T đối với bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn C. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới nộp 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.370.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007984 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí